

Cái "kỳ" trong thơ Lý Hạ và Lý Bạch

PHẠM THỊ XUÂN CHÂU

Đại học Sư phạm Hà Nội

Lý Hạ (790 – 816) được đánh giá là nhà thơ kiệt xuất trên thi đàn văn học Trung Quốc thời Đường. Ông tên tự Trường Cát, người Xương Cốc, nay thuộc huyện Nghi Dương, tỉnh Hà Nam. Cha ông tên Lý Tấn Túc, “tấn” 晋 với “tiến” 进 (tiến sĩ) đồng âm, nên ông vì kiêng húy tên cha không được tham dự kì thi tiến sĩ. Vì kể sinh nhai phải cam chịu chức Phụng Lễ Lang, một chức quan nhỏ mọn, tầm thường, chuyên về phục vụ việc tế lễ. Ông vô cùng bi phẫn, lại là người tài hoa thiên bẩm, nên càng thêm khổ đau, uất ức, đem tất cả tài năng hiến cho thi phú, văn chương. Hậu thế biết đến ông bởi một phong cách thơ vô cùng kỳ lạ: diễm lệ, thê lương và biến ảo khôn cùng. Trong *Toàn Đường thi*, thơ ông còn bốn quyển, trên 200 bài, định danh toàn tập là *Lý Trường Cát ca thi* 李长吉歌诗. Còn Lý Bạch, tên tuổi của ông đã chói sáng cả thi đàn, như một ngôi sao băng rực rỡ mà khi đã tắt đi rồi, người đời vẫn mãi không quên.

Là các thi nhân tiêu biểu của thơ ca lãng mạn đời Đường, cả Lý Bạch và Lý Hạ đều có khuynh hướng truy tìm cái đẹp, cái mới lạ, cái “kỳ”, mà ở đây, “kỳ” là biểu hiện của cảm hứng và phong cách lãng mạn. Tuy nhiên, cái “kỳ” trong thơ Lý Hạ rất khác so với thơ Lý Bạch. Với cái “tôi” lãng mạn, Lý Bạch khiến người đọc nhớ bởi vẻ đẹp của thế giới nghệ thuật lãng mạn, trong trẻo, hồn nhiên, thanh thoát. Cái “kỳ” trong thơ Lý Bạch được toát lên từ một thế giới nghệ thuật đẹp đẽ, huy hoàng, tráng lệ, nhưng không xa lạ. “Kỳ” là sự khuếch trương của cái “chân”, phát hiện và tô đậm vẻ đẹp tự nhiên, bất ngờ, kỳ lạ của cái “chân”, khiến người ta ngỡ ngàng, thán phục. Nhà thơ tưởng tượng thác núi Lư:

*Nhật chiếu Hương Lô sinh tử yên bắc
Dao khan bộc bố quả tiên xuyên
Phi lưu trực há tam thiên xích
Nghị thị Ngân Hà lạc cửu thiên
(Vọng Lư sơn bộc bố)*

日照香炉生紫烟北
遥看瀑布挂前川
飞流直下三千尺
疑是银河落九天

(望庐山瀑布)

Dịch thơ:

Nắng rọi Hương Lô khói tía bay;
Xa trông dòng thác dưới sông này;
Nước bay thẳng xuống ba nghìn thước;
Tưởng dải Ngân Hà tuột khỏi mây.

Thật kỳ lạ và siêu phàm trí tưởng tượng độc đáo của nhà thơ. Thác núi Lư dưới thấp được so sánh với sông Ngân trên trời cao. Sông Ngân tít trên trời cao lại được nhà thơ kéo thấp để đạt được hiệu quả so sánh bất ngờ, làm nổi bật vẻ đẹp kỳ vĩ, tráng lệ, huy hoàng của cảnh vật. Tuy nhiên ta lại thấy vẻ đẹp dễ, phi thường của hình ảnh thơ Lý Bạch thường có ranh giới rõ nét giữa hiện thực và tưởng tượng bởi những từ “nghi” (ngỡ), “nghi thị” (ngỡ là): *Nghi thị Ngân Hà lạc cửu thiên* - (Ngỡ rằng sông Ngân rơi xuống từ chín tầng trời).

Nghi thị địa thượng sương - (Ngỡ mặt đất phủ sương).

Đồng thời, cái thế giới tưởng tượng của Lý Bạch vẫn là cái thế giới mà có thể ta đã từng gặp, từng biết, từng thấy, từng quen thuộc: Lư Sơn, Trường Giang, Động Đình, Bạch Đế. Đó là cái thế giới tưởng tượng với cái kỳ, lạ và đẹp dễ do nhà thơ khuếch đại cái “chân” với thủ pháp nghệ thuật hết sức tài tình, với phát hiện mới mẻ và lối thể hiện độc đáo, bất ngờ, gây ấn tượng. Còn Lý Hạ lại khiến người ta kinh ngạc bởi những câu thơ kinh dị:

Tất cự nghinh tân nhân
U khoảng huỳnh nhiều nhiều
(*Cảm phúng*)

漆炬迎新人
幽圻萤扰扰
(感讽)

Nguyễn Khắc Phi dịch thơ:

Lửa đen đón người mới
Mô hoang đom đóm bay.

Chữ “*tất cự*” (trong bản phiên âm) nghĩa là “đuốc đen”, chỉ ngọn đuốc trên mồ mả người chết, hay ngọn lửa ma trời lập lòe nơi nghĩa địa? Ở đây, màu đen không còn mang ý nghĩa chỉ màu sắc, mà là màu đen mang sắc thái biểu tượng: *đuốc, lửa, ánh sáng - đen, màu đen, ánh lửa đen, ánh sáng đen*. Cách kết hợp từ kỳ lạ của thi nhân đã khiến hình tượng thơ vượt qua nét nghĩa tả cảnh thông thường trở thành sự phản chiếu của tư duy và ám ảnh siêu thực. Nó gọi cho ta liên tưởng tới câu thơ “*Trên sọ tôi nghiêng gục lá cờ đen*” và “*Rót xuống bầu trời một thứ ánh sáng màu đen*” của nhà thơ tượng trưng Pháp thế kỷ XIX A. Baudelaire trong *Những bông hoa ác*. Màu đen mang ý nghĩa biểu tượng trong thơ Baudelaire đã được sử dụng cả ngàn năm trước. Lý Hạ còn dùng từ gợi cảm giác rờn rợn “*nghinh tân nhân*” (đón người mới). Sự đón tiếp ở đây không phải giữa người với người mà là hồn ma đón nhau nơi nghĩa địa. Hai chữ “*tân nhân*” dịch sát nghĩa là “*người mới*”, nhưng đặt trong văn cảnh câu thơ là chỉ người đã chết, vừa mới được “*định cư*” nơi nghĩa địa lạnh lẽo hoang vu. Và để điểm thêm nét bí hiểm, rờn rợn, âm u,

tác giả miêu tả: nơi hố huyết sâu u tối, những con đom đóm lượn lơ bay: *U khoáng huỳnh nhiều nhiều*. Có thể thấy, tưởng tượng của Lý Bạch phát hiện ra vẻ đẹp kỳ diệu mà chân phác tự nhiên của bức tranh thế giới, còn tưởng tượng của Lý Hạ lại tạo ra những cái đẹp quá dị và ghê rợn, bí hiểm và xa lạ, huyền hoặc và kinh dị như không hề có trong hiện thực.

Xưa nay, thi nhân thường mượn rượu để tiêu sầu và thăng hoa cảm hứng sáng tạo. Trong bài *Tương tiến tửu*, Lý Bạch viết: “*Cổ lai thánh hiền giai tịch mịch; Duy hữu ẩm giả lưu kỳ danh*”. Lý Hạ cũng có một “tuyên ngôn” đầy ấn tượng trong bài thơ cũng mang nhan đề *Tương tiến tửu*: “*Khuyến quân chung nhật minh đính tú; Tửu bất đáo Lưu Linh phần thượng thố*”. Ta thấy có một sự đồng điệu trong tâm hồn và một phương châm trắc tuyệt cho các thi sĩ cổ kim vốn tìm thấy trong men say cảm hứng của sáng tạo thi ca không bờ bến: Lý Hạ phát ngôn trước, khuyên uống rượu: “*Khuyến anh hã suốt ngày say sưa túy lúy; Bởi khi chết rồi, rượu đâu có đến được trên mộ của Lưu Linh*”. Lý Bạch bổ sung, kết luận và khẳng định như một chân lý vĩnh hằng: “*Xưa nay thánh hiền đều vắng cả; Chỉ có đệ tử của rượu là lưu danh bất hủ trên đời*”. Và chính trong hai bài thơ viết về đề tài mời rượu này, ta mới thấy rõ sự khác nhau trong cảm hứng, tưởng tượng và thi tứ của hai thi sĩ. Trong *Lý Hạ, quý tài, quý thi*, Huỳnh Ngọc Chiến nhận xét rằng Lý Bạch chỉ nói: *Phanh dương, tế ngư thả vi lạc* (Mổ dê, giết trâu để thỏa thuê vui say), còn

Lý Hạ lại tưởng tượng, hình dung thật kinh dị: *Phanh long, bào phượng ngọc chi khắp* (Phanh thịt rồng, nướng thịt chim phượng khiến mỡ trong nồi phải khóc than).

Đem cả những con vật trong nhóm tứ linh ra để mổ, phanh, thiêu, nướng thì không chỉ là kỳ dị mà còn là phạm thượng, là ngông, là mới mẻ, mới mẻ trong sự kinh dị. Hơn nữa, lại còn phải làm sao khiến cho mỡ trắng trong nồi phải đau đớn, hoảng sợ, than khóc... thì thực sự, Lý Hạ đã đi xa hơn tiền nhân ở sức tưởng tượng cũng như tri giác những điều quái dị và huyền hoặc. Lý Bạch thì say để mà “*lạc*” (樂), Lý Hạ lại say để mà “*khấp*” (泣). Lý Bạch đưa người đọc tới sự ngỡ ngàng trước cái đẹp chân phác, tự nhiên không đẽo gọt, còn Lý Hạ lại khiến người ta kinh ngạc trước những điều hư huyền, kỳ dị và siêu hiện thực. Thơ Lý Bạch “*Lời nói ra ngoài trời đất, ý tứ ra ngoài sự hiểu biết của quý thân*” (Bì Nhật Hư); còn Lý Hạ, các nhà nghiên cứu cho rằng “*tư duy của nhà thơ rất gần với ảo tưởng của một thiên tài bệnh hoạn mà người thường không sao với tới được*”⁽¹⁾.

Tư duy lãng mạn chi phối cảm quan lãng mạn. Không chỉ khác Lý Bạch ở đối tượng và sự biểu hiện của cái “kỳ”, Lý Hạ cũng rất khác thi tiên thời Thịnh Đường ở sự thể hiện ra bức tranh cũng như cái nhìn về ngoại giới.

Trong luận án *Thơ tứ tuyệt Lý Bạch, phong cách và thể loại*, Phạm Hải Anh đã thống kê và cho rằng Lý Bạch đã tạo nên một thế giới nghệ thuật đẹp đẽ, tươi sáng, kỳ diệu: Những con vật quý như

rồng, hổ, ngựa xích thố, chim nhạn, phi thúy, cá kình... Thi nhân đặc biệt ưa thích những gam màu tươi sáng: Chim hải âu trắng muốt bay theo chiếu rợp thi nhân trên sóng biếc Động Đình; Vượn lông trắng như bông nhẩy nhót đùa giỡn với trăng lấp lánh nơi Thu Phố; Những con cá trắng đẹp đẽ ánh bạc nhẩy tung rong trong làn nước biếc... Hình ảnh con người được miêu tả trong thơ thì cũng hầu hết là những giai nhân, công tử đẹp đẽ, hào hoa, tràn đầy sức sống, nói cười tình tứ... Nếu đem so sánh với thơ Lý Hạ, ta sẽ thấy một sự tương phản gay gắt. Trong thơ Lý Hạ cũng có hình ảnh rồng và phượng, nhưng là rồng bị phanh thây, phượng hoàng bị mổ. Nếu là ngựa, cũng có lúc muốn là ngựa tung vó, lướt giữa trời thu trong, nhưng rồi cuối cùng vẫn là ngựa Chuy ngày đi ngàn dặm vậy mà rốt cuộc chỉ còn biết hướng về gió khóc than trên dặm trường vô chủ, cũng như người anh hùng vô chủ không biết phiêu bạt về đâu:

Thôi báng độ Ô giang

Thần Chuy khắp hướng phong

Quân vương kim giải kiếm

Hà xứ trục anh hùng?

神 骅 泣 向 风

摧 榜 渡 乌 江

君 王 金 解 剑

何 处 逐 英 雄

Dịch nghĩa: *Đẩy thuyền qua bến Ô giang. Ngựa thần Chuy hướng về gió khóc than. Quân vương nay đã từ bỏ thanh kiếm tự vẫn. Còn biết đuổi theo tìm người anh hùng ở phương nào?*

Ngựa thi nhân cười thì là con ngựa thảm hại gầy như con chó. Ngựa gầy trong thành thì hết đến lạc cả giọng. Lý Bạch tả chim hải âu trắng muốt bay trên sóng nước xanh, Lý Hạ tả chim cú vọ sống lâu năm hóa thành quỷ mị, tiếng cười ghê rợn của nó bốc lửa xanh trong cái tổ quỷ: *Bách niên lão kiêu thành mộc mị; Tiểu thanh bích hỏa sào trung khởi*. Vượn trắng của thơ Lý Bạch nhẩy nhót đùa giỡn tung tăng dưới ánh trăng, còn con tinh xanh trong thơ Lý Hạ khóc đến chảy máu mắt thương cho con hồ ly đã chết trong giá lạnh đến nỗi nước mắt hóa thành máu: *Thanh tinh khóc huyết hàn hồ tử*. Những con cá đẹp đẽ của thơ Lý Bạch khác hẳn với những con cá kỳ dị của thơ Lý Hạ: cá không ngậm thức ăn mà ngậm cát đứng lên: *Giang ngư bất thực hàm sa lập*. 江 魚 不 食 含 沙 立.

Có thể nói thế giới đẹp đẽ, tươi sáng của thơ Lý Bạch tương phản với thế giới kỳ dị, đen tối, âm u của thơ Lý Hạ. Một bên là không gian tươi sáng, phía trên cao, trắng muốt, biếc xanh, và nắng. Một bên là cảnh dưới mặt đất với những hố, hốc, hang sâu, đêm tối và ánh sáng lạnh lẽo, leo lét, chập chờn. Đọc thơ Lý Hạ, ta thấy đủ chủng loại côn trùng, cư dân của đêm, của bóng tối như đom đóm, thiêu thân, vạc sành, ruồi, nhặng, cóc, rắn, thằn lằn và mọt (gặm sách đến nát ra thành bột). Và rất nhiều loài vật đã bị tha hóa thành dị thường quái đản trong thế giới thơ của Lý Hạ. Còn con người,

tương phản với những giai nhân đẹp đẽ, tình tứ, những chàng công tử kiêu hãnh, hào hoa của thơ Lý Bạch là những hồn ma âm thầm, lặng lẽ, lảng vảng cô đơn trong bóng đêm, trong gió, trong mưa, trong lá, trong cây... của thơ Lý Hạ. Đó là oan hồn của Tô Tiểu Tiểu (*Tô tiểu tiểu mộ*), là hồn ma của Hán Vũ Đế (*Kim đồng tiên nhân từ hán ca*), là linh hồn người chết không tan đi mà tụ lại, hóa thành quỷ ngồi trên mộ mà đọc thơ trong đêm thu hoang vắng đoạn trường (*Thu lai*), là hồn của những ai chết đi rồi nhập vào con đom đóm, hóa thành ngọn lửa ma trời.

Học giả Trung Quốc Trần Doãn Cát đã cho rằng “Tư tưởng thơ Lý Hạ là khẳng định sự vận động không ngừng của thế giới vật chất, còn diện mạo tư tưởng thu nhân là chủ nghĩa duy tâm”⁽²⁾. Còn Trần Thư Lương khi nghiên cứu thơ Lý Hạ đã khái quát “Mỹ học bệnh thái thơ ca Lý Hạ thể hiện ở các phương diện miêu tả âm sâm tử vong, biểu hiện cảnh giới quái đản, quá phần thương cảm”⁽³⁾

Đâu là nguyên nhân tạo ra sự khác nhau của hai thế giới thơ Lý Hạ và Lý Bạch? Phải chăng sức sống ngập tràn, nét tươi sáng, trong trẻo, đẹp đẽ của thơ Lý Bạch phản ánh cái hào quang lấp lánh của không khí phấn chấn thời Thịnh Đường? Còn thơ Lý Hạ, cái thế giới âm u và quỷ mị, cái gam màu tối tăm và u ám, vừa phản ánh vừa dự báo cái nội lực đã suy vi của thời kỳ trung - văn Đường. Giọng điệu thơ, phong vị thơ

dù nhiều hay ít, dù tự giác hay không ý thức thì vẫn tự nhiên ghi lại và phản chiếu âm vang, tiếng vọng của thời đại. Thơ Lý Bạch vang lên tiếng chuông thánh thót buổi sớm mai trong trẻo. Thơ Lý Hạ là tiếng tù và buồn thảm rúc trong sương lạnh buổi hoàng hôn. Sự khác nhau ấy, trước nhất là do nguyên nhân thời đại như đã đề cập ở trên.

Còn nguyên nhân thứ hai, có lẽ chính là do bi kịch tài năng và số phận của Lý Hạ. Thất bại trên con đường nhập thế, tài năng mà không được phát huy, lý tưởng lãng mạn bay bổng bị hiện thực đen tối kìm hãm, dập vùi, giấc mộng công danh không bao giờ trọn vẹn...tất cả đã tạo ra tâm lý thất bại chủ nghĩa, sự bế tắc và bi quan sâu sắc của nhà thơ trước cuộc đời. Những điều đó khiến thi nhân thấy đời như một giấc mơ hư ảo, có khi là ác mộng hãi hùng. Nhìn vào đâu cũng chỉ thấy những góc khuất tối của lòng mình. Tất nhiên thơ cũng như dòng sông đời người, có lúc buồn, lúc vui, lúc u ám, thê lương, lúc hồn nhiên, trong trẻo. Thơ Lý Hạ cũng có những bài tươi sáng, lung linh, nhưng rất hiếm, rất ít so với số lượng lớn các bài thơ mang phong cách ảo não, thê lương và diễm lệ của ông. Thơ Lý Bạch cũng không ít bài nói đến buồn, đến sầu, cũng là nỗi buồn sâu của lý tưởng không thành, ước mơ, hoài bão không trọn vẹn, nhưng không bi lụy, bế tắc như Lý Hạ mà vẫn lâng lâng, kiêu hãnh. Và điều đáng nói ở đây là sự khác nhau về cảm quan thẩm mỹ của mỗi nhà thơ sẽ phản ánh sự khác nhau về tư

tưởng, thái độ của nhà thơ trước hiện thực cuộc đời. Lý Bạch bất mãn trước hiện thực, nhưng thơ ông bay lên cao hơn hiện thực: *Lời thơ gọn ghẽ ý thơ bay; Rượu dốc bầu tiên chuốc tháng ngày* (Lê Quang Vinh), còn Lý Hạ bế tắc trước hiện thực thì càng chìm sâu vào bóng tối của nó, để bóng ma hiện thực đè nặng trong óc, trong tim. Lý Bạch nói về cảnh thần tiên với tâm thế lâng lâng của người thoát tục, phiêu lãng, phiêu bồng, thanh thản tiêu dao không vướng bận. Còn Lý Hạ, nói tới cảnh thần tiên hư ảo như là “giấc mơ được vẽ lại” để đối lập với thực tại đau khổ, thực chất là chạy trốn vì không giải thoát được những ám ảnh của bóng ma hiện thực đè nặng lên cuộc đời và số phận của ông. Lý Bạch nhìn cuộc đời qua cánh cửa tâm hồn lạc quan, lãng mạn và trong trẻo, còn Lý Hạ lại cho ta thấy một cái nhìn với những cảnh tượng bên trong tối tăm và u ám của tâm linh. Cho nên cảnh trong thơ Lý Bạch kỳ đáy mà đẹp để không xa lạ, còn cảnh trong thơ Lý Hạ có tính chất kỳ dị, quái hiểm, huyền bí, sâu kín và siêu thực.

Ngoài ra còn có thể thấy thủ pháp thể hiện cái “kỳ” của hai thi nhân lãng mạn cũng rất khác nhau. Lý Bạch khuếch đại cái “chân” đến cực điểm nhưng không đánh mất vẻ đẹp tuyệt mỹ, thiên chân của cảnh vật, Lý Hạ thì dùng tưởng tượng siêu thực để kiến trúc lên những cái kỳ dị, huyền ảo, siêu hiện thực.

Cùng là cảm nhận về thời gian, mỗi người có một cách thể hiện riêng, độc đáo.

Lý Bạch tả mái tóc kỳ lạ:

Bạch phát tam thiên trượng

Duyên sâu tự cá trường

Bất tri minh kính lý

Hà xứ đắc thu sương?

白髮三千丈

緣愁自個長

不知明鏡理

何處得秋霜

(Tóc trắng ba nghìn trượng; Vì buồn dài lạ sao. Chẳng biết trong gương sáng; Sương thu vào từ đâu?)

Nói mái tóc ba nghìn trượng là cường điệu, là cực tả, khiến người ta liên tưởng dải mây trắng bất tận nơi đỉnh núi non hùng vĩ. Nó dài kỳ lạ bởi nỗi sầu. Vậy đó cũng phải là nỗi sầu kỳ lạ, phi thường. Thi nhân mang mái tóc sững sờ khi soi vào gương tưởng mình đang sống trong ảo giác: Mái tóc của ta đó ư? Hay là sương thu từ đâu phủ kín tấm gương này? Như vậy, chính nỗi sầu mệnh mông đã kéo mái tóc dài ra vô tận, và cũng chính nỗi sầu ấy đã nhuộm màu sương thu lên mái tóc đời người. Chỉ khi soi gương thi nhân mới đối diện thực sự với nỗi sầu trong lòng mình, mới nhận ra một cách sâu sắc nỗi sầu vĩ đại cùng khi đời đã vào thu. Bút pháp cực tả và cường điệu đã khuếch đại cái “chân”, cho ta nhận rõ tâm hồn lãng mạn trong sáng và bao la của thi tiên Lý Bạch. Cái “kỳ” của Lý Hạ lại được thể hiện với một bút pháp hoàn toàn khác: xóa nhòa ranh giới giữa ảo và thực. Thi nhân cũng hay nói tới thời gian qua hình ảnh mái đầu bạc:

Tráng niên bão kỳ hận

Mộng khắp sinh bạch đầu

壯年抱羈恨

夢泣生白頭

(Ôm chặt mối hận của thời trai trẻ; Khóc trong mơ khiến ta bạc trắng mái đầu)

Khóc là mộng; đầu bạc là thực. Từ mộng sinh ra thực, qua thực mà thấy mộng. Nhìn mái đầu bạc trắng mà biết được giấc mộng kia hãi hùng, đau khổ và ám ảnh tới mức nào. Mà vì trong giấc mộng nên người trong mộng làm sao biết được những thốn thức kia không phải là thực? Vậy nên, qua cái thực mộng hư ảo đó, Lý Hạ cho ta cảm nhận cơn ác mộng giày vò thi nhân suốt cuộc đời. Ngoài ra, nhà thơ thường dùng các cặp quan hệ *hữu hình - vô hình* để biểu đạt ý tưởng bay bổng. Chẳng hạn như bài *Thương tâm hành*:

Trường An dạ bán thu

Phong tiền kỷ nhân lão

長安夜半秋

風前几人老

(Trường An bây giờ là nửa đêm mùa thu; Bao nhiêu người đã già đi trước gió).

Không nói thu buồn mà vẫn gợi được nỗi buồn mùa thu của người trần trọc không ngủ được trong đêm thu nơi cát bụi kinh thành. Không nói thời gian trôi mà vẫn khiến người ta phải kinh hãi khi ngọn gió đời thoảng qua cuốn đi tuổi trẻ của con người. Và không phải chỉ là gió mùa thu, không phải chỉ là ngọn gió thời gian mà còn là gió biểu tượng của bao đắng cay, đau khổ, phiền muộn, bi

thương của số phận. Chính ngọn gió siêu hình ấy khiến trái tim mùa thu phải ưu tư, khiến đầu người bạc trắng, và tuổi xuân bỗng chốc hóa lụi tàn. Thi nhân đời Đường có ý niệm rất sâu sắc về sự trôi chảy của thời gian. Lý Hạ cảm nhận thời gian qua ngọn gió:

Sinh thế nhược đồ lao

Phong xuy bàn thượng chúc

生世若徒勞

風吹盤上燭

(Sống ở đời đừng nhọc nhằn uống công; Cuộc đời vô thường như gió thổi tắt ngọn đuốc thắp trên mâm).

Lý Bạch tả thời gian qua mau:

Quân bất kiến:

Hoàng Hà chi thủy thiên thượng lai

Bôn lưu đảo hải bất phục hồi

Hựu bất kiến:

Cao đường minh kính bi bạch phát
Triều như thanh ti mộ như tuyết

(Anh chẳng thấy! Nước sông Hoàng Hà chảy từ trên trời xuống; Trôi nhanh ra biển không quay trở lại. Lại chẳng thấy? Trước gương sáng trên nhà cao buồn vì tóc bạc; Sớm như tơ xanh chiều tựa tuyết).

Nguyễn Thị Bích Hải nhận xét “Con người nhận thức thời gian là con người đau khổ”. Càng là thi nhân lãng mạn, càng nhạy cảm với thời gian. Lý Bạch thấy thời gian như nước sông Hoàng Hà từ trên trời chảy xuống rồi trôi nhanh ra biển không quay lại. Còn Lý Hạ lại thấy thời gian thoảng qua như gió thổi tắt ngọn đuốc thắp trên mâm. Hình ảnh so sánh của Lý Bạch là cái hữu hình, cụ

thể. Hình ảnh so sánh của Lý Hạ là cái phi vật thể, vô hình. Thi nhân dùng cái “*tượng vô chi tượng*” để nói một cái vô hình cao hơn: Sự vô thường mong manh hư ảo của đời người, có gì hơn một ngọn đèn trước gió? Không chỉ có vậy, hình ảnh so sánh của Lý Hạ còn thể hiện cái trực cảm nhạy bén của nhà thơ về nhân sinh và tồn tại. Trên dòng chảy của thời gian vĩnh cửu, đời người chỉ là thoáng chốc, vụt qua rất nhanh, được đo bằng khoảnh khắc thời gian từ ngọn đuốc đang cháy bùng vụt tắt, tức là chỉ trong nháy mắt, hoặc chỉ là một phút giây. So với thời gian “*triêu*”, “*mộ*” của Lý Bạch thì đúng là siêu khoảnh khắc. Thơ Đường dù nói về cuộc đời hư ảo, thời gian qua mau, nhưng chủ yếu vẫn là hình ảnh thời gian tĩnh tại, tuần hoàn. Còn trong thơ Lý Hạ thời gian luôn vận động, chảy trôi mãnh liệt. Không những trôi như giọt nước trôi qua cổ con cóc (*Hạo ca*), không những bay như ánh sáng bay (*Khô trú đoản*), không những thi nhau cướp đi tuổi thọ con người, không những dồn dập đuổi như tiếng trống quan nhai (*Quan nhai cổ*), mà còn chạy, phi với tốc độ kinh hoàng *Canh biến thiên niên như tẩu mã* - Ngàn năm biến đổi nhanh như ngựa chạy (*Mộng thiên*), và vụt qua nhanh như ngọn gió vô thường *Phong xuy bàn thượng chúc* (*Đông đà bi*). Lý Hạ cho ta cảm nhận thời gian đúng với cảm quan của con người hiện đại. Thời gian không tĩnh, mà động, vội vàng, gấp gáp, không chỉ trôi, mà còn bay, chạy, vùn vụt, vút qua như ngựa phi, thoáng qua như ngọn đuốc

đang sáng bùng vụt tắt. Hình ảnh “*triêu*”, “*mộ*” của Lý Bạch đã là sự cảm nhận về tính vận động của thời gian một cách độc đáo trong thủ pháp cường điệu đặc sắc, nhưng cách cảm nhận của Lý Hạ rõ ràng phiêu diêu, hư ảo và mang tính trực cảm hơn, chạm tới được bản chất của thời gian, và ý thức về thời gian cũng “*hiện đại*” hơn. Lý Bạch cực tả thời gian đời người qua khoảng thời gian ngắn ngủi sớm - chiều, cực tả cái vô thường của đời người qua hình ảnh mái tóc “*Sáng như tơ xanh, chiều tựa tuyết*”, còn Lý Hạ đã dồn ép biên độ thời gian tới mức chỉ còn tính bằng khoảnh khắc, trong nháy mắt, bằng “*giây*”: *Đời người vô thường như gió thổi tắt ngọn đuốc thấp trên mâm*. Thi nhân đã cực tả cái mong manh, ngắn ngủi, hữu hạn của đời người. Lý Bạch lấy thời gian để nói thời gian, còn Lý Hạ cảm giác thời gian bằng ngọn gió. Mức độ và sắc thái biểu cảm cũng rất khác nhau. Mái tóc xanh chuyển màu bạc trắng là hình ảnh của bước đi thời gian trên mái tóc đời người, còn trong hình ảnh gió thổi tắt ngọn đuốc thấp trên mâm thì thời gian không những cướp đi tuổi xuân mà còn mang đi cả cuộc sống của con người. Gió chính là hình ảnh của thời gian, là ranh giới vô hình giữa hư vô và tồn tại. Nhận thức thời gian của Lý Bạch cho ta nuối tiếc năm tháng qua mau. Còn tư duy thơ của Lý Hạ khiến cho ta sợ hãi thời gian với sự nghiệt ngã vô tình của nó, bởi thi nhân khiến ta hiểu thời gian là vị chúa tể duy nhất mà con người phải tuyệt đối phục tùng.

Tuy nhiên, nguyên nhân thời đại, bị kịch cá nhân chưa phải là những nhân tố duy nhất giải thích cho đặc điểm nghệ thuật thơ Lý Hạ. Nguyên nhân cơ bản và sâu xa nhất phải là tài năng và cá tính nghệ thuật của nhà thơ, dù không thể phủ nhận bị kịch cá nhân và đặc điểm thời đại góp phần quan trọng phát triển cá tính ấy. Trước Lý Hạ, lịch sử thơ Đường đã đi những bước dài và đã có những đỉnh cao vĩ đại. Thời kỳ Sơ, Thịnh Đường đã tỏa sáng những tên tuổi của các thi nhân lừng lẫy trên thi đàn: Vương Bột, Trần Tử Ngang, Lý Bạch, Vương Duy, Mạnh Hạo Nhiên, Đỗ Phủ, và sau nữa là Bạch Cư Dị.

Khẳng định tên tuổi của mình không thể không học tập, bắt chước cổ nhân. Lý Hạ kế thừa Ly tao, học tập thơ Tề Lương diễm lệ, sáng tác nhạc phủ làm kinh động, xao xuyên lòng người: *Phi quân xướng nhạc phủ; Thùy thức oán thu thâm?* - *Xương Cốc độc thư thị Ba Đông*. Nhưng Lý Hạ đồng thời cũng là một cái tôi lãng mạn với cá tính đặc sắc. Tạo ra một thế giới nghệ thuật trước đó chưa từng có đã là một phương diện độc đáo của tài năng, lại làm cho thế giới ấy ám ảnh mãnh liệt tâm trí của người đọc khiến đương thời và hậu thế phải kinh ngạc gọi là “quỷ tài”, “quỷ thi”, chính là sự khẳng định tài năng một cách phi thường, không thể phủ nhận. Người ta kinh ngạc khi bắt gặp trong thơ Lý Hạ những hình ảnh vốn không chứa sẵn chất thơ: Cá sấu già, giao long gãy, sấu nhe răng, quỷ ma cười bốc lửa, rắn độc

trong hang, thiêu thân ngoài bãi, đom đóm trên mồ mả người chết, mộ huyết tối đen, ánh lửa ma trời lạnh lẽo... Những sự vật kỳ, dị, quái đản, bí hiểm lại được trí tưởng tượng của nhà thơ nhào nặn theo một tư duy lắt léo, không theo khuôn khổ truyền thống, tạo ra yếu tố “kỳ” rất hiếm thấy: đã “kỳ” lại “quái”, đã “bí” lại “hiểm”, bí hiểm và diễm ảo, tức là đẹp một cách quái đản, mà vẫn diễm lệ, hư ảo, lung linh. Đó là bởi “Thi nhân cực kỳ mẫn cảm với hư huyền, siêu thực, quái đản”⁽⁴⁾.

Tư duy thơ, thẩm mỹ nghệ thuật thơ của Lý Hạ không hướng theo cái hàm súc cổ điển tự nhiên của truyền thống thơ Đường, mà ngược lại đó là lối tư duy lắt léo, biến ảo không cùng trong hình thức tự do của nhạc phủ.

Thời kỳ Sơ Đường, thơ còn mang hơi hướng của thơ Tề Lương, ủy mị và diễm lệ. Tuy nhiên, các nhà thơ, với tài năng và cá tính nghệ sĩ đã vượt ra hạn chế của thời đại để tạo ra hình tượng thơ hàm súc, trong sáng, cổ điển: *Lạc hà dữ cô lộ tề phi; Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc* (Chiếc cò bay với rắng sa. Nước thu cùng với trời xa một màu - Vương Bột). Rồi Lạc Tân Vương với *Dịch Thủy tống biệt*, Vi Thừa Khánh với *Nam hành biệt đệ*, Trương Cửu Linh với *Tự quân chi xuất hĩ*, và đặc biệt là Trần Tử Ngang với *Đăng U Châu đài ca*. Có thể thấy thế giới nghệ thuật của thi ca đời Đường hoàn toàn chân phác, giản dị, tự nhiên. Các nhà thơ tả cảnh thiên nhiên với núi cao, trời rộng, hoa rụng, sông

trôi, cánh chim lưng trời, làn nước mùa thu thăm thẳm... đều với cảm hứng thiên nhiên trong trẻo và thông qua bút pháp tả cảnh ngụ tình quen thuộc của thơ ca cổ điển.

Thời kỳ Thịnh Đường là thời kỳ tỏa sáng rực rỡ của thi ca với hai đỉnh cao chói lọi của chủ nghĩa lãng mạn và chủ nghĩa hiện thực là Lý Bạch và Đỗ Phủ. Lý Bạch với cái tôi lãng mạn vĩ đại như đã nói ở trên đã tạo ra thế giới thơ lãng mạn với những cảnh tượng thần tiên, hư ảo, đẹp đẽ, nhưng phong cách khác rất nhiều so với Lý Hạ cả về cảm xúc, tư tưởng, thái độ đối với hiện thực cũng như màu sắc, bản chất của sự tưởng tượng. Một người thiên về cõi tiên, một người thiên về cõi quý, và quý, tiên chính là cái mới mẻ, đặc sắc của mỗi hồn thơ. Còn thi thánh Đỗ Phủ, nhà thơ của mọi tầng lớp lê dân thì thế giới nghệ thuật chủ yếu trong thơ ông là bức tranh hiện thực của xã hội Trung Quốc tao loạn trong chiến tranh phong kiến đời Đường. Dĩ nhiên chúng ta không thấy trong thơ ông những hình ảnh thơ siêu thực và lãng mạn mà nhất là lại bí hiểm, u quái như trong thơ Lý Hạ thời Trung Đường.

Vương Duy, Mạnh Hạo Nhiên, Vương Hàn, Sầm Tham, Cao Thích, mỗi người một vẻ, một cá tính riêng. Thơ điền viên sơn thủy của Vương Duy, Mạnh Hạo Nhiên thì trong sáng, thanh tĩnh. Thơ biên tái của Vương Hàn, Sầm Tham, Cao Thích thì hào hùng, thẳm sâu, bi tráng... Nhưng đó đều là những thế giới thơ của hiện thực, hiện thực tự nhiên và hiện thực cuộc đời, không phải và không

giống thế giới thơ Lý Hạ: hư ảo, siêu thực và huyền hoặc, u minh.

Cho nên, có thể thấy, thế giới nghệ thuật thơ Lý Hạ là một sự đóng góp đặc biệt mới mẻ về đề tài, cảm hứng và tư duy nghệ thuật, làm phong phú, đặc sắc thêm cho thế giới nghệ thuật Đường thi. Lý Hạ, với tư duy nghệ thuật độc đáo đã mang đến cho thế giới thơ Đường một màu sắc, tính chất thơ rất riêng, không trộn lẫn và chưa từng có trong quá khứ. Lý Hạ đã xây dựng một thế giới thần thoại đậm chất lãng mạn trong thơ. Điều này trước ông, Lý Bạch cũng đã làm một cách xuất sắc. Và rất xa, trong Ly Tao, Khuất Nguyên cũng đã từng sáng tạo một thế giới đẹp đẽ, đầy sắc màu huyền thoại. Nhưng nét riêng mới mẻ ở Lý Hạ mà cả Khuất Nguyên, Lý Bạch đều không có hoặc ít đi sâu, đó là thế giới siêu thực mang tính "âm", ta tạm gọi là "màu sắc siêu thực tính âm". Với sự đột phá ấy, Lý Hạ đã chạm tới được cõi tâm linh thâm u, huyền bí, sâu thẳm. Chính tài năng và cá tính đã khiến Lý Hạ tạo ra một thế giới riêng, không giống ai, một chân trời nghệ thuật của riêng mình, để thi nhân với đôi cánh tưởng tượng thoải mái chu du bay lượn - một chân trời nghệ thuật mà ánh sáng của nó là thứ ánh sáng ma quái, là bóng chiều u ám, ảm đạm, là đêm trường hoang lạnh, tối tăm...hầu như không có buổi lê minh. Cho nên, thế giới nghệ thuật ấy mới và lạ, kỳ và dị, siêu thực và huyền hoặc. Nó bắt con người ta phải suy nghĩ đa đoan, mệt mỏi đuổi theo mạch tư duy sâu kín lắt léo, cũng như những tưởng tượng quanh co, biến ảo,

hóc hiểm của thi nhân. Lý Hạ tưởng tượng con tinh xanh khóc con hồ ly chết trong giá lạnh đến nỗi nước mắt hóa thành máu: “*Thanh tinh khóc huyết hàn hồ tử*” (*Thần huyền khúc*), Lý Hạ tưởng tượng hồn ma Hán Vũ Đế băng lảng đi về trong gió thu, đêm đêm bên lăng mộ đế vương, người ta nghe có tiếng ngựa hí mà sáng ra không còn chút dấu vết: *Mậu Lăng Lưu lang thu phong khách; Dạ văn mã tê hiểu vô tích* (*Kim đồng tiên nhân từ Hán ca*). Còn Tô Tiểu Tiểu, người kỹ nữ danh tiếng đất Tiên Đường, Lý Hạ tưởng tượng hồn của nàng lẩn quất trong nước, trong gió, trong cây. Cỗ xe du bích trong đêm nơi nghĩa địa cũng là xe ma, là hư ảo nốt (*Tô tiểu tiểu mộ*). Có thể nói, Lý Hạ sống với những mộng tưởng huyền hoặc, những ảo giác tâm linh thường chỉ thấy ở những “thiên tài bệnh hoạn”. Ảo giác của Lý Hạ thiên về thế giới âm: hồn ma, bóng quỷ, ngọn lửa ma trời, nghĩa địa hư hoang, hồn ma vất vưởng; thiên về những vật thể mang tính âm: hang, động, hốc, khe, chân núi, lá rụng, hoa tàn, sương lạnh, gió mưa... Không gian, thời gian mang tính âm: đêm đen, bóng tối, mùa thu... Tất cả nhảy múa quay cuồng trong một vũ điệu siêu thực, mang đậm màu sắc tính âm, đặc trưng thẩm mỹ của thơ Lý Hạ.

Nếu như nói siêu thực là “*bài chính tả của tư duy, tính tự động của tâm lý thuần túy, dựa vào lòng tin ở thực tại siêu đẳng của những hình thái liên tưởng sơ lậu, ở giấc mơ vạn năng, ở tư duy không vụ lợi...*”⁽⁵⁾ thì ta thấy tư duy của Lý Hạ thực sự là tư duy siêu thực, thế giới thơ của Lý Hạ chính là thế giới

thơ siêu hiện thực, là những hiện tượng tâm linh trốn thoát ra ngoài ý thức. Siêu thực là sự bộc lộ của vô thức nghệ sĩ, và qua thế giới siêu thực của thơ Lý Hạ, ta thấy cái vô thức của con người nghệ sĩ trong ông với tất cả tính phức tạp, đa đoan và quanh co, bí ẩn của một tư duy nghệ thuật không đơn giản mà vô cùng phong phú, độc đáo, đầy sự bất thường. Cũng bởi lý do đó mà các học giả cho rằng thơ “*Lý Hạ trong thời kỳ Đường Tống chỉ có tính lưu hành mà không có tính kinh điển*”⁽⁶⁾

Tìm hiểu phong cách thơ Lý Hạ giống như là khám phá một tòa lâu đài lạnh vắng, âm u trong đêm tối, nó hứa hẹn nhiều điều bí ẩn, li kỳ và hấp dẫn. Và tòa lâu đài cổ ấy được thiết kế bởi tư duy mới mẻ và hiện đại, lần đầu xuất hiện trong thế giới Đường thi.

CHÚ THÍCH:

- (1) 主编章培恒, 骆玉明, *中国文学史*, 复旦大学出版, 1996年 (tr. 151).
- (2) 陈允吉, *李夏诗歌中的仙与鬼*, 光明日报 1980年8月6日 (tr. 28)
- (3) 陈书良, *李贺诗歌的病太美*, 诗探索, 1981年第2期 (tr. 54)
- (4) 主编吕薇芬, *20世纪中国文学研究, 随唐五大文学研究, 下卷*, 北京出版社, 2001年 (tr.534)
- (5) Đông Hoài: *Thời gian vô cực*, Nhà xuất bản Văn học Hà Nội, 1996.
- (6) 陈有冰, *李夏诗歌的唐宋接受*, 文学评论, 2008年第1期 (tr. 128)

